TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HS-ST
Ngày 22-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại
Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hồng Tuấn – Thư ký TAND huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1.Trần Trọng Đ, S năm 1996. HKTT: Xã Th, huyện Ch, tỉnh Nghệ An; Tạm trú: Số 40 Đ Th, phường H, quận B, thành phố Hà Nội (BL 150); Nghề nghiệp: công nhân bốc vác tại công ty Bùi G; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Trọng Th S năm 1960 và bà Nguyễn Thị V S năm 1973; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 63 lập ngày 20/12/2019 và Lý lịch bị can chính quyền địa phương cung cấp: không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/12/2019 đến nay. "Có mặt".

2. Nguyễn Xuân S, S năm 1992. HKTT: Xóm 4, xã Th, huyện Ch, tỉnh Nghệ An; Tạm trú: Số 40 Đ Th, phường H, quận B, thành phố Hà Nội (BL 152); Nghề nghiệp: công nhân bốc vác tại công ty Bùi G; Trình độ văn hóa 09/12. Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Xuân B S năm 1968 và bà Mai Thị V S năm 1968; Tiền án tiền sự: Theo danh chỉ bản số 64 ngày 2019 và Lý lịch cá nhân chính quyền địa phương cung cấp: Có 01 tiền án: Bản án số 82/2016/HSST ngày 17/3/2016 của

TAND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/12/2019 đến nay. "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 ngày 09/11/2019, Đ rủ S đi mua pháo mục đích để đốt trong dịp Tết nguyên đán, S đồng ý, Đ đã thông qua mạng Facebook đặt 06 hộp pháo nổ loại có 36 ống trụ tròn trong 1 hộp với giá 500.000 đồng/hộp tại một trang bán pháo và người bán giao hẹn nhận hàng vào khoảng 10 giờ ngày 10/11/2019 tại khu vực X, S, Bắc Ninh để nhận hàng. S góp 2.000.0000 đồng, Đ góp 1.000.000 đồng để cùng đi mua pháo. Khoảng 08 giờ ngày 10/11/2019 S dùng xe máy Serius màu đen BKS 37E1- 058.33 chở Đ đi sang khu vực Bắc Ninh để lấy pháo. Tại khu vực cầu X, S, Bắc Ninh, Đ nhận của một người đàn ông không quen biết đi trên 01 chiếc xe ô tô khách loại 29 chỗ (Đ không nhớ biển số xe) 01 bọc hàng màu đen. Đ hiểu đây là số pháo mình đã đặt mua nên giao tiền 3.000.000 đồng cho người thanh niên này và cầm bọc hàng về chỗ S đang đợi rồi S chở Đ đi về nhà ở Hà Nội. Trên đường đi về, cả hai dừng lại ở một bãi đất trống, Đ mở bọc nilong màu đen lấy 06 hộp pháo hình vuông bỏ vào túi xách mang theo rồi tiếp tục đi về khu nhà trọ. Trên đường đi về, S và Đ bị công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ số pháo trên.

Kết luận giám định số 7423/KLGĐ ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: "06 khối hộp hình vuông, kích thước mỗi hộp 14.5 cm x 14.5 cm x 14.5 cm, bên trong mỗi hộp có 36 ống trụ tròn đều là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ) có khối lượng 8,469 kg.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSGL ngày 17/01/2020 của VKSND huyện L truy tố bị cáo Đ và S về tội Tàng trữ hàng cấm theo khoản 1 Điều 191 của BLHS.

Tại phiên tòa:

+ 2 Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng truy tố, không sửa đổi bổ sung gì.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đưa ra tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. 2 bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191 điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt Đ từ 10-12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS, xử phạt S từ 8-10 tháng tù, thời hạn tù tính từ

ngày bắt thi hành án. Về hình phạt bổ sung: không. Dân sự: không. Vật chứng: 01 túi nilong mầu đen của hai bị cáo sử dụng đựng 8,469 kg pháo nổ và 7,08931 kg pháo sau khi đi giám định về còn cho tịch thu tiêu hủy; 01 ba lo của Đ sử dụng vào đựng pháo cho tịch thu tiêu hủy; 01 xe máy Serius màu đen biển số 37E1 – 058.33 đăng ký mang tên Nguyễn Xuân S, S đã sử dụng xe vào việc phạm tội, cho tịch thu sung công; 01 điện thoại Oppo màu vàng đã qua sử dụng của Đ sử dụng vào việc liên lạc mua pháo, dùng vào việc phạm tội cho tịch thu sung công; 01 điện thoai Itell của Đ, 01 điện thoại Sam sung của S không sử dụng vào việc phạm tội đề nghị trả lại cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của 2 bị cáo phạm tội quả tang và thu giữ tang vật, lời khai của 2 bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định nên đủ cơ sở kết luận vào khoảng 13 giờ 45 ngày 10/11/2019 hai bị cáo Đ và S đã có hành vi tàng trữ 06 hộp pháo có khối lượng thuốc pháo là 8,469 kg, việc hai bị cáo tàng trữ 8,469 kg thuốc pháo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là khách thể được BLHS bảo vệ, đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ hàng cấm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của BLHS. Hành vi tàng trữ pháo nổ, thuốc pháo nổ của các bị cáo bị nghiêm cấm được Bộ luật hình sự và Điều 4 của Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo quy định. Các hành vi liên quan đến pháo nổ và thuốc pháo nổ đã Nhà nước tuyên truyền nhiều năm, xử lý nghiêm khắc những hành vi liên quan đến pháo nhưng các bị cáo vẫn coi thường, vẫn tàng trữ pháo nổ để phục vụ niềm vui của bản thân gây nguy hiểm và ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân nói chung, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Nhân thân bị cáo Đ chưa tiền án tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS, bị cáo S thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo là có căn cứ.

[3].Về hình phạt bổ sung: Hai bị cáo đều không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4]. Vật chứng :

+ 01 túi nilong mầu đen của hai bị cáo sử dụng đựng 8,469 kg pháo nổ, đã trừ đi 1,40969 kg còn 7,08931 kg là vật nhà nước cấm lưu hành cho tịch thu tiêu hủy túi nilong và toàn bộ 7,08931 kg pháo nổ;

+ 01 ba lo của Đ sử dụng vào đựng pháo, là công cụ phương tiện phạm tội cho tịch thu tiêu hủy;

+ 01 xe máy Serius màu đen biển số 37E1 – 058.33 đăng ký mang tên Nguyễn Xuân S, S đã sử dụng xe vào việc phạm tội, cho tịch thu sung công.

+ 01 điện thoại Oppo màu vàng đã qua sử dụng của Đ sử dụng vào việc liên lạc mua pháo, dùng vào việc phạm tội cho tịch thu sung công; 01 điện thoai Itell của Đ, 01 điện thoại Sam sung của S không sử dụng vào việc phạm tội trả lại cho các bị cáo là có căn cứ.

[5]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng Đ và Nguyễn Xuân S phạm tội Tàng trữ hàng cấm.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191, điểm s i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Đ;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với S;

Căn cứ Điều 147 của BLHS; Các Điều 106, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Trọng Đ 07 (Bảy) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 07 (Bảy) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: không

Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon; 7,05931 kg pháo nổ; 01 ba lô đã qua sử dụng của Đ.

+ Tịch thu sung công: 01 xe máy Serius biển số 37E1-058.33 của Nguyễn Xuân S đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng của Đ bên trong có lắp sim liên lạc.

+ Trả lại bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itell bên trong có lắp sim liên lạc; Trả lại bị cáo S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bên trong có lắp sim liên lạc.

Vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện L và Công an huyện L.

Về án phí: Bị cáo Trần Trọng Đ và Nguyễn Xuân S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo Trần Trọng Đ và Nguyễn Xuân S có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thiên Hương